

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

## QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin chung về Quỹ	1
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ và phê duyệt các báo cáo tài chính của Ban Đại diện Quỹ	2
Báo cáo kiểm toán	4
Báo cáo thu nhập (Mẫu B 01 - QM)	6
Báo cáo tình hình tài chính (Mẫu B 02 - QM)	7
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ (Mẫu B 03 - QM)	9
Báo cáo danh mục đầu tư (Mẫu B 04 - QM)	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu B 05 - QM)	11
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu B 06 - QM)	12

# QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH

## THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

**Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán  
Chứng chỉ Quỹ ra công chúng**

56/GCN-UBCK cấp ngày 12 tháng 12 năm 2012

**Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ  
đầu tư đại chúng dạng Quỹ mở**

02/GCN-UBCK cấp ngày 1 tháng 4 năm 2013

Giấy chứng nhận Đăng ký thành lập do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với thời gian hoạt động không xác định.

**Ban Đại diện Quỹ**

Ông Lương Quang Hiến  
Ông Alan Thien Pham  
Bà Nguyễn Thị Thái Thuận

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên

**Công ty Quản lý Quỹ**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaWealth

**Ngân hàng Giám sát**

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)

**Trụ sở đăng ký**

Tầng 5, Tòa nhà Sun Wah, số 115 Nguyễn Huệ, Quận 1,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Đơn vị kiểm toán**

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

## QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaWealth ("Công ty Quản lý Quỹ") chịu trách nhiệm lập và trình bày các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bảo Thịnh VinaWealth ("Quỹ") tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở Quỹ hoạt động liên tục trừ khi cơ sở này không thích hợp để cho là Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Quỹ với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 3 của các báo cáo tài chính. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

### PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 6 đến trang 33. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám Đốc của Công ty Quản lý Quỹ



Nguyễn Thị Thái Thuận  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam  
Ngày 30 tháng 3 năm 2015

## QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH

### BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

#### PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 6 đến trang 33. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Ông Lương Quang Hiển  
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 3 năm 2015

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP  
GỬI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bảo Thịnh VinaWealth (“Quỹ”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2014 và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt ngày 30 tháng 3 năm 2015. Các báo cáo tài chính này bao gồm: báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và bản thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 6 đến trang 33.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đối với các báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

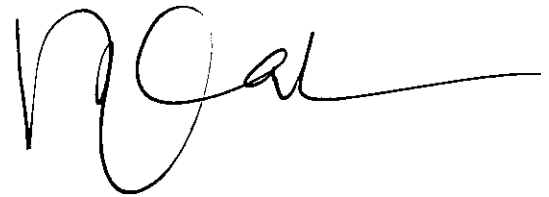
### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quý tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và thay đổi giá trị tài sản ròng của Quý cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam



  
Ian S. Lydall  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0559-2013-006-1  
Chữ ký được ủy quyền



Nguyễn Hoàng Nam  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0849-2013-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM4708  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2015

Như đã nêu trong Thuyết minh 3.1 cho các báo cáo tài chính; các báo cáo tài chính kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH**

**Mẫu B 01 - QM**

**BÁO CÁO THU NHẬP**

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2014 VNĐ	Giai đoạn từ 1.4.2013 đến 31.12.2013 VNĐ
<b>01</b>	<b>I THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>	<b>6.545.655.238</b>	<b>3.374.825.661</b>
02	1.1 Cổ tức được chia	250.180.000	-
03	1.2 Tiền lãi được nhận	16 5.121.572.319	1.335.511.288
04	1.3 Lãi bán các khoản đầu tư	17 1.705.401.369	1.198.000.000
05	1.4 Chênh lệch (giảm)/tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	18 (534.995.122)	838.005.479
06	1.5 Doanh thu khác	3.496.672	3.308.894
<b>10</b>	<b>II CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>	<b>808.959.963</b>	<b>20.407.900</b>
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	19 76.261.143	20.407.900
13	2.2 Chi phí lãi vay	732.698.820	-
<b>20</b>	<b>III CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ</b>	<b>1.526.449.733</b>	<b>1.021.786.464</b>
20.1	3.1 Phí quản lý Quỹ	23(a) 679.407.939	350.988.061
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	23(b) 186.190.021	162.338.666
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát Quỹ	23(b) 79.200.000	59.400.002
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ	23(b) 132.000.000	99.000.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	23(b) 206.126.438	183.362.218
20.7	3.6 Chi phí họp, đại hội Quỹ	21.161.810	23.032.110
20.8	3.7 Chi phí kiểm toán	129.949.602	80.996.300
20.10	3.8 Chi phí hoạt động khác	20 92.413.923	62.669.107
<b>23</b>	<b>IV KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>	<b>4.210.245.542</b>	<b>2.332.631.297</b>
<b>30</b>	<b>V TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>4.210.245.542</b>	<b>2.332.631.297</b>
31	5.1 Lợi nhuận đã thực hiện	4.745.240.664	1.494.625.818
32	5.2 (Lỗ)/lãi chưa thực hiện	534.995.122	838.005.479
<b>40</b>	<b>VI CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	-	-
<b>41</b>	<b>VII LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>	<b>4.210.245.542</b>	<b>2.332.631.297</b>

Ngân hàng Giám sát  
Xác nhận bởi



**Lê Thị Thanh Tâm**

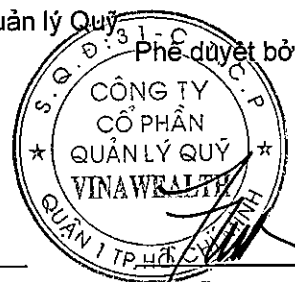
Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ  
Bộ phận Dịch Vụ Khách Hàng Cá Nhân  
HSBC (Việt Nam)

Lập bởi:

*(Handwritten signature)*

Nguyễn Ngọc Linh Phương  
Kế toán trưởng

Công ty Quản lý Quỹ



Phê duyệt bởi:

Nguyễn Thị Thái Thuận  
Chủ tịch HĐQT  
Ngày 30 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 33 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.



**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH**

**Mẫu B 02 - QM**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
		2014 VNĐ	2013 VNĐ
<b>100 I</b>	<b>TÀI SẢN</b>		
<b>110 1</b>	<b>Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền</b>	<b>20.004.788.086</b>	<b>10.081.720.151</b>
111 1.1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	13.264.731.055	81.720.151
112 1.2	Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	6.740.057.031	10.000.000.000
<b>120 2</b>	<b>Các khoản đầu tư thuần</b>	<b>82.319.143.219</b>	<b>40.811.205.479</b>
121 2.1	Các khoản đầu tư	82.319.143.219	40.811.205.479
<b>130 3</b>	<b>Các khoản phải thu</b>	<b>1.960.723.381</b>	<b>31.111.111</b>
136 3.1	Dự thu tiền lãi chưa đến ngày nhận	1.960.723.381	31.111.111
<b>100</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>104.284.654.686</b>	<b>50.924.036.741</b>
<b>300 II</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		
311 1	Vay ngắn hạn	15.513.850.000	-
313 2	Lệ phí, phí trả cho nhà phân phối và Công ty Quản lý Quỹ	2.307.514	-
314 3	Thuế và các khoản phải nộp cho ngân sách Nhà nước	2.105.741	25.842.458
316 4	Chi phí phải trả	191.422.788	124.028.410
317 5	Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ	50.000.000	-
318 6	Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ Quỹ	-	2.076.200
319 7	Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	137.010.462	97.154.160
<b>300</b>	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>15.896.696.505</b>	<b>249.101.228</b>

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 33 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH**

Mẫu B 02 - QM

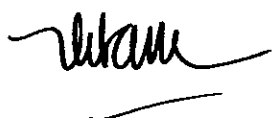
**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**  
(tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12			
		2014 VNĐ	2013 VNĐ		
<b>400</b>	<b>III</b>	<b>GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ</b>			
		<b>88.387.958.181</b>	<b>50.674.935.513</b>		
411	1	Vốn góp của Nhà đầu tư	14	77.558.843.900	48.396.108.400
412	1.1	Vốn góp phát hành		115.873.204.500	73.734.155.500
413	1.2	Vốn góp mua lại		(38.314.360.600)	(25.338.047.100)
414	2	Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		4.286.237.442	(53.804.184)
420	3	Lợi nhuận chưa phân phối		6.542.876.839	2.332.631.297
<b>430</b>	<b>IV</b>	<b>GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ TRÊN MỘT ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ</b>			
				<b>11.396</b>	<b>10.471</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

1	Số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành	22	7.755.884,39	4.839.610,84
---	--------------------------------------	----	--------------	--------------


Ngân hàng Giám sát  
Xác nhận bởi:



**Lê Thị Thành Tâm**  
Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ  
Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

Ngân hàng TNHH một thành viên  
HSBC (Việt Nam)

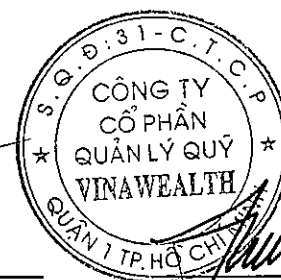
Lập bởi:



Nguyễn Ngọc Linh Phương  
Kế toán trưởng

Công ty Quản lý Quỹ

Phê duyệt bởi:



Nguyễn Thị Thái Thuận  
Chủ tịch HĐQT  
Ngày 30 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 33 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH**

**Mẫu B 03 - QM**

**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG ("NAV"),  
GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2014 VNĐ	Giai đoạn từ 1.4.2013 đến 31.12.2013 VNĐ
<b>I NAV tại ngày 31 tháng 12 năm 2013/ ngày 1 tháng 4 năm 2013</b>	<b>50.674.935.513</b>	<b>53.810.960.100</b>
<b>II Thay đổi NAV so với kỳ trước</b>	<b>4.210.245.542</b>	<b>2.332.631.297</b>
Trong đó:		
II.1 Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong năm/ giai đoạn	4.210.245.542	2.332.631.297
<b>III Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ</b>	<b>33.502.777.126</b>	<b>(5.468.655.884)</b>
Trong đó:		
III.1 Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ Quỹ	48.126.796.214	20.373.806.762
III.2 Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ Quỹ	(14.624.019.088)	(25.842.462.646)
<b>IV NAV của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014/ ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>	<b>88.387.958.181</b>	<b>50.674.935.513</b>
<b>V NAV trên một đơn vị quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014/ 31 tháng 12 năm 2013</b>	<b>11.396</b>	<b>10.471</b>

Ngân hàng Giám sát  
Xác nhận



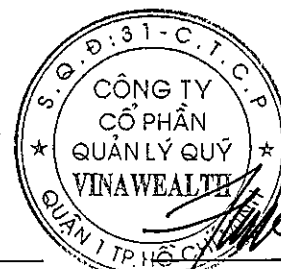
Ngân hàng TNHH một thành viên  
HSBC (Việt Nam)

Lập bởi:

Nguyễn Ngọc Linh Phương  
Kế toán trưởng

Công ty Quản lý Quỹ

Phê duyệt bởi:



Nguyễn Thị Thái Thuận  
Chủ tịch HĐQT  
Ngày 30 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 33 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.


QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH

Mẫu B04 - QM

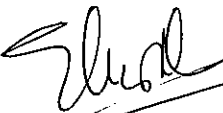
BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ  
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

STT	Chi tiết	Số lượng	Giá trị trường tại ngày 31.12.2014 VNĐ	Tổng giá trị tại ngày 31.12.2014 VNĐ	Tỷ lệ (%) / Tổng giá trị tài sản của Quỹ %
<b>I</b>	<b>Cổ phiếu niêm yết</b>				
1	VNM	50.000	95.500	4.775.000.000	4,58%
	<b>Tổng</b>			<b>4.775.000.000</b>	<b>4,58%</b>
<b>II</b>	<b>Trái phiếu niêm yết</b>				
1	Trái phiếu chính phủ - TD1315009	50.000	102.099	5.104.950.000	4,90%
2	Trái phiếu chính phủ - TD1417078	200.000	100.808	20.161.608.219	19,33%
3	Trái phiếu chính phủ - TD1419086	100.000	104.574	10.457.400.000	10,03%
4	Trái phiếu chính phủ - TD1419089	400.000	100.670	40.268.000.000	38,61%
5	Trái phiếu chính phủ - TB1015059	15.300	101.450	1.552.185.000	1,49%
	<b>Tổng</b>			<b>77.544.143.219</b>	<b>74,36%</b>
<b>III</b>	<b>Các tài sản khác</b>				
1	Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng			22.450.286	0,02%
2	Dự thu lãi trái phiếu			1.938.273.095	1,86%
	<b>Tổng</b>			<b>1.960.723.381</b>	<b>1,88%</b>
<b>IV</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>				
1	Tiền gửi không kỳ hạn			13.264.731.055	12,72%
2	Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng			1.701.666.700	1,63%
3	Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng			5.038.390.331	4,83%
	<b>Tổng</b>			<b>20.004.788.086</b>	<b>19,18%</b>
<b>VI</b>	<b>TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC</b>			<b>104.284.654.686</b>	<b>100,00%</b>

Ngân hàng Giám sát  
Xác nhận bởi:

  
**Le Thị Thanh Tâm**  
Chăm sóc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ  
Bộ phận Dịch Vụ Khách Hàng  
Ngân hàng TMCH một thành viên  
HSBC (Việt Nam)

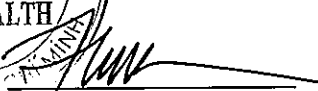
Lập bởi:

  
**Nguyễn Ngọc Linh Phương**  
Kế toán trưởng

Công ty Quản lý Quỹ

Phê duyệt bởi:



  
**Nguyễn Thị Thái Thuận**  
Chủ tịch HĐQT  
Ngày 30 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 33 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH**

**Mẫu B 05 - QM**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số		Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2014 VNĐ	Giai đoạn từ 1.4.2013 đến 31.12.2013 VNĐ
<b>I</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>	-	-
01	1 Tiền đã chi mua các khoản đầu tư	(84.919.487.383)	(90.814.700.000)
02	2 Tiền đã thu từ bán các khoản đầu tư	44.463.599.726	52.039.500.000
03	3 Cổ tức nhận được	250.180.000	-
04	4 Tiền lãi đã thu	3.310.316.213	1.304.400.177
05	5 Tiền lãi chi trả cho hoạt động Quỹ	(731.211.191)	-
06	6 Tiền chi trả phí cho hoạt động Quỹ	(1.424.838.322)	(800.603.894)
08	8 Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các khoản đầu tư (phí môi giới, phí chuyển tiền)	(72.109.503)	(20.407.900)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(39.123.550.460)</b>	<b>(38.265.969.159)</b>
<b>II</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
21	1 Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ Quỹ	48.182.580.386	20.527.765.000
22	2 Tiền chi mua lại Chứng chỉ Quỹ	(14.649.811.991)	(25.620.725.484)
24	4 Tiền vay gốc	157.836.650.000	-
25	5 Tiền chi trả nợ gốc vay	(142.322.800.000)	-
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>49.046.618.395</b>	<b>(5.732.326.190)</b>
40	<b>III Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm/giai đoạn</b>	<b>9.923.067.935</b>	<b>(43.998.295.349)</b>
50	<b>IV Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm/giai đoạn (từ khi phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu)</b>		
51	Tiền gửi ngân hàng đầu năm/giai đoạn	10.081.720.151	54.080.015.500
55	<b>V Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm/giai đoạn</b>		
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm/giai đoạn	20.004.788.086	10.081.720.151
60	<b>VI Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm/giai đoạn</b>	<b>9.923.067.935</b>	<b>(43.998.295.349)</b>

Ngân hàng Giám sát  
Xác nhận bởi:



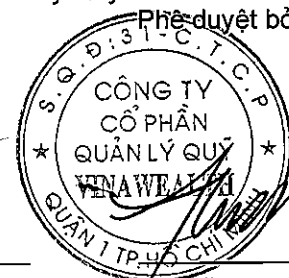
Ngân hàng TNHH một thành viên  
HSBC (Việt Nam)

Công ty Quản lý Quỹ

Lập bởi:

Nguyễn Ngọc Linh Phương  
Kê toán trưởng

Phê duyệt bởi:



Nguyễn Thị Thái Thuận  
Chủ tịch HĐQT  
Ngày 30 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 33 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH**

**1.1 Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ và Giấy Chứng nhận Đăng ký thành lập quỹ mở**

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bảo Thịnh VinaWealth (“Quỹ”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng dạng mở theo Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ đầu tư ra công chúng số 56/GCN-UBCK ngày 12 tháng 12 năm 2012 và Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 02/GCN-UBCK ngày 1 tháng 4 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký thành lập này, Quỹ được cấp phép hoạt động trong thời gian không xác định. Chứng chỉ Quỹ được giao dịch thông qua các Đại lý của Quỹ.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên. Quỹ do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaWealth (“Công ty Quản lý Quỹ”) quản lý. Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) được chỉ định là ngân hàng giám sát của Quỹ.

**1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ**

***Quy mô vốn***

Vốn điều lệ của Quỹ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký thành lập quỹ là 53.810.960.100 đồng Việt Nam.

Quy mô vốn của Quỹ tại ngày báo cáo tài chính dựa trên số vốn thực góp của nhà đầu tư theo thuyết minh số 14.

***Mục tiêu đầu tư***

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tối đa hóa lợi nhuận đầu tư thông qua đầu tư vào danh mục trái phiếu và các chứng khoán có thu nhập cố định và thả nổi (phát hành bởi Chính phủ), thị trường tiền tệ, trái phiếu doanh nghiệp và chứng từ có giá.

***Hạn chế đầu tư***

Danh mục đầu tư của Quỹ và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Quỹ và Bản cáo bạch.

Vốn và tài sản của Quỹ khi được đầu tư phải tuân thủ theo các quy định sau:

- a) Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm ít nhất tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng của Quỹ là đầu tư vào trái phiếu, và giấy tờ có giá, đồng thời phải đảm bảo;
- b) Không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật; công cụ thị trường tiền tệ, ngoại tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định trong lĩnh vực ngân hàng;
- c) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi tại tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật; công cụ thị trường tiền tệ, ngoại tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định trong lĩnh vực ngân hàng; cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau; trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định có liên quan;

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH (tiếp theo)**

**1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ (tiếp theo)**

***Hạn chế đầu tư (tiếp theo)***

- d) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu, cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- e) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- f) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- g) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- h) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- i) Không được đầu tư vào các Quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
- j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.

Trừ trường hợp quy định tại điểm h,i,j, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch nhưng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với các hạn chế nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:

- a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b) Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
- c) Thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- d) Hoạt động hợp nhất, sáp nhập, thầu tóm các tổ chức phát hành;
- e) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ;
- f) Quỹ đang trong thời gian giải thể;

Tài sản của Quỹ chuyển đổi như trái phiếu chuyển đổi chuyển thành cổ phiếu theo điều khoản chuyển đổi và/hoặc các khoản đáo hạn của chứng khoán theo quyết định của tổ chức phát hành.

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH (tiếp theo)**

**1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ (tiếp theo)**

***Kỳ tính giá trị tài sản ròng (NAV)***

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng tuần và hàng tháng. Ngày định giá là ngày thứ ba hàng tuần đối với kỳ định giá hàng tuần và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo đối với kỳ định giá hàng tháng.

***Phương pháp xác định NAV của Quỹ***

NAV là tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ có liên quan tại ngày trước ngày định giá. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản.

NAV trên một đơn vị quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại ngày trước ngày định giá.

***Tần suất giao dịch Chứng chỉ Quỹ***

Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ là ngày thứ ba hàng tuần ("ngày giao dịch") hoặc theo quyết định của Công ty Quản lý Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ nhưng không ít hơn 2 lần trong 1 tháng.

**2 KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam và được trình bày trên các báo cáo tài chính theo đơn vị đồng Việt Nam ("VND").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo thu nhập.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của báo cáo tình hình tài chính được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày của báo cáo tình hình tài chính. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo thu nhập.

**3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư 183/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.



**3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****3.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính ban hành, các báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập (B01-QM)
2. Báo cáo tình hình tài chính (B02-QM)
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ (B02-QM)
4. Báo cáo danh mục đầu tư (B04-QM)
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (B05-QM)
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính (B06-QM)

**3.2 Hình thức kế toán áp dụng**

Quỹ áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá ba (03) tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4.2 Đầu tư chứng khoán****(a) Phân loại**

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

**(b) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận**

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch - là tại ngày Quỹ ký kết hợp đồng mua hoặc bán khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Quỹ đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

**(c) Ghi nhận ban đầu**

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được đánh giá lại tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày báo cáo tình hình tài chính.

Giá trị của quyền mua cổ phiếu được xác định là phần chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày lập báo cáo tài chính và số tiền thực trả để thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua, nhân với tỷ lệ cần có để mua một cổ phần mới. Giá trị của quyền mua sẽ được đánh giá lại vào ngày báo cáo tình hình tài chính.

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.2 Đầu tư chứng khoán (tiếp theo)**

(d) Đánh giá lại

(i) Trái phiếu

**Trái phiếu niêm yết**

Trái phiếu niêm yết được định giá căn cứ vào giá yết trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế.

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến (nhưng không bao gồm) ngày định giá thì giá trái phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên như sau:

- giá mua (giá sạch) cộng lãi lũy kế;
- mệnh giá cộng lãi lũy kế;
- giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

**Trái phiếu không niêm yết**

Trái phiếu không niêm yết được định giá căn cứ vào giá yết (nếu có) trên hệ thống báo giá cộng lãi suất coupon phiếu tính tới ngày trước ngày định giá.

Trường hợp không có giá yết trên hệ thống báo giá thì trái phiếu không niêm yết được định giá theo một trong các phương pháp được thực hiện theo thứ tự ưu tiên dưới đây:

- giá mua (giá sạch) cộng lãi lũy kế;
- mệnh giá cộng lãi lũy kế

Nếu giá giao dịch của trái phiếu tại kỳ định giá có biến động lớn so với giá của kỳ định giá gần nhất (\*), thì Công ty Quản lý Quỹ đề xuất giá trị hợp lý của trái phiếu được xác định theo phương pháp được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

(\*) Sổ tay Định giá đề cập những trường hợp mà giá giao dịch của trái phiếu tại kỳ định giá có biến động lớn so với giá của kỳ định giá gần nhất như sau:

	<b>Biến động so với giá của kỳ định giá gần nhất</b>
Trái phiếu chính phủ	Vượt quá +/-1%
Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu địa phương	Vượt quá +/-5%
Trái phiếu doanh nghiệp	Vượt quá +/-5%

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.2 Đầu tư chứng khoán (tiếp theo)**

(d) Đánh giá lại (tiếp theo)

(ii) *Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch*

Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến (nhưng không bao gồm) ngày định giá thì các cổ phiếu này được định giá căn cứ theo các phương pháp định giá được thực hiện theo thứ tự ưu tiên dưới đây:

- giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá;
- trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá, là trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:
  - giá trung bình từ 2 tổ chức báo giá;
  - giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến (nhưng không bao gồm) ngày định giá;
  - giá trị sổ sách;
  - giá mua;
  - giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quý chấp thuận.

(iii) *Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch*

Các cổ phiếu này được đánh giá lại theo giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá, các cổ phiếu này được định giá căn cứ theo các phương pháp định giá được thực hiện theo thứ tự ưu tiên dưới đây:

- giá trung bình từ 2 tổ chức báo giá;
- giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến (nhưng không bao gồm) ngày định giá;
- giá trị sổ sách;
- giá mua;
- giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quý chấp thuận.

(iv) *Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch*

Các cổ phiếu này được định giá căn cứ theo các phương pháp định giá được thực hiện theo thứ tự ưu tiên dưới đây:

- giá trị sổ sách
- mệnh giá;
- giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quý chấp thuận.

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.2 Đầu tư chứng khoán (tiếp theo)**

**(d) Đánh giá lại (tiếp theo)**

**(v) Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản**

Các cổ phiếu này được định giá căn cứ theo các phương pháp định giá được thực hiện theo thứ tự ưu tiên dưới đây:

- 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá;
- giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận

**(vi) Cổ phần, phần vốn góp khác**

Các cổ phiếu này được định giá căn cứ theo các phương pháp định giá được thực hiện theo thứ tự ưu tiên dưới đây:

- giá trị sổ sách;
- giá mua/giá trị vốn góp;
- giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

**(vii) Các loại tài sản được phép đầu tư khác**

Các tài sản này được định giá theo giá xác định theo phương pháp do Công ty Quản lý Quỹ xây dựng, được Ngân hàng Giám sát xác nhận và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

**4.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu bao gồm những khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, phải thu cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phát sinh trong kỳ liên quan đến phải thu bán chứng khoán được hạch toán vào chi phí trong báo cáo thu nhập.

Dự phòng phát sinh trong kỳ liên quan đến cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khác được hạch toán giảm thu nhập trong báo cáo thu nhập.

**4.4 Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả được trình bày trên Báo cáo tài chính theo nguyên giá của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại Chứng chỉ Quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát và các khoản phải trả khác.

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.5 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ**

Quỹ hạch toán các giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ theo thông tư 206/2009/TT-BTC (“Thông tư 206/2009”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 27 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn phương pháp hạch toán kế toán các giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ thực hiện trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Theo Thông tư 206/2009, khi Quỹ bán trái phiếu Chính phủ theo thỏa thuận mua bán lại, Quỹ không ghi giảm khoản đầu tư vào trái phiếu Chính phủ đó mà hạch toán khoản tiền bán thu được là một khoản nợ phải trả cho đến ngày mua lại.

**4.6 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Quỹ có một nghĩa vụ – pháp lý hoặc liên đới – hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy.

Dự phòng được tính theo các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu yếu tố thời giá của tiền tệ là quan trọng thì dự phòng được tính ở giá trị hiện tại với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

**4.7 Thuế**

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia các giao dịch với Quỹ như sau:

***Giao dịch trả cổ tức cho các nhà đầu tư***

Khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 22% lợi nhuận được phân phối sau khi trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật. Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho cá nhân đầu tư vốn, không phân biệt là cá nhân cư trú hay không cư trú, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng số cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.

***Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ***

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại Chứng chỉ Quỹ từ các cá nhân, không phân biệt cá nhân cư trú hay không cư trú, và các tổ chức nước ngoài theo quy định của pháp luật. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán chưa niêm yết là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 và Thông tư 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Đối với các nhà đầu tư là tổ chức trong nước, Công ty Quản lý Quỹ sẽ không giữ lại khoản thuế này và các đối tượng này phải có trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho nhà nước.

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.8 Vốn góp của nhà đầu tư**

Các Chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi đơn vị quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam.

Số lượng Chứng chỉ Quỹ sau khi phân phối là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

(a) **Vốn góp phát hành**

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua Chứng chỉ Quỹ tại ngày phát hành chào bán công khai lần đầu và các lần giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau ngày phát hành chào bán công khai lần đầu. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

(b) **Vốn góp mua lại**

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại Chứng chỉ Quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau ngày phát hành chào bán công khai lần đầu. Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

(c) **Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư**

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa số tiền thực nhận khi phát hành/mua lại và mệnh giá đối với các Chứng chỉ Quỹ được phát hành/mua lại. Giá bán/ giá phát hành là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán cho Công ty Quản lý Quỹ để mua một đơn vị quỹ. Giá bán/ giá phát hành tại các kỳ giao dịch bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ cộng với phí phát hành tại các kỳ giao dịch sau khi chuyển đổi được quy định tại Bản cáo bạch. Giá mua lại là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, trừ đi phí mua lại Chứng chỉ Quỹ đã quy định tại Điều lệ Quỹ.

**4.9 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ nhận được các lợi ích kinh tế một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Tiền lãi*

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo hoạt động trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được thiết lập.

*Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**4.10 Chi phí**

Các khoản chi phí được ghi nhận trong báo cáo thu nhập trên cơ sở dồn tích.

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.11 Các bên liên quan**

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ. Các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

**4.12 Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**5 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31.12.2014 VNĐ	31.12.2013 VNĐ
<b>1. Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ</b>	<b>13.214.731.055</b>	<b>81.720.151</b>
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC Việt Nam	13.214.731.055	81.720.151
<b>2. Tiền gửi của nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ</b>	<b>50.000.000</b>	-
<b>3. Tiền gửi có kỳ hạn không quá ba (3) tháng</b>	<b>6.740.057.031</b>	<b>10.000.000.000</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	5.038.390.331	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	1.701.666.700	10.000.000.000
	<b><u>20.004.788.086</u></b>	<b><u>10.081.720.151</u></b>

**6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	Giá mua VNĐ	Chênh lệch tăng/(giảm) VNĐ	Giá thị trường tại ngày 31.12.2014 VNĐ
Cổ phiếu niêm yết	5.328.750.000	(553.750.000)	4.775.000.000
Trái phiếu niêm yết	76.687.382.862	856.760.357	77.544.143.219
<b>Tổng</b>	<b><u>82.016.132.862</u></b>	<b><u>303.010.357</u></b>	<b><u>82.319.143.219</u></b>

**6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)**

Chi tiết các trái phiếu Chính phủ cầm cố để đảm bảo cho nghĩa vụ mua lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31.12.2014 VNĐ	Tổng giá trị tại ngày 31.12.2014 VNĐ	Tỷ lệ (%) / Tổng giá trị tài sản của Quỹ %
TD1315009	50.000	102.099	5.104.950.000	4,90%
TD1419086	100.000	104.574	10.457.400.000	10,03%
<b>Tổng</b>			<b>15.562.350.000</b>	<b>14,93%</b>

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Giá mua VNĐ	Chênh lệch tăng VNĐ	Giá thị trường tại ngày 31.12.2013 VNĐ
Trái phiếu niêm yết	39.973.200.000	838.005.479	40.811.205.479
<b>Tổng</b>	<b>39.973.200.000</b>	<b>838.005.479</b>	<b>40.811.205.479</b>

**7 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

	31.12.2014 VNĐ	31.12.2013 VNĐ
<b>Dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư</b>		
Chưa tới hạn	1.960.723.381	31.111.111
- Dự thu lãi trái phiếu	1.938.273.095	-
- Lãi dự thu từ chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có thể quy đổi có kỳ hạn quá ba (3) tháng	22.450.286	31.111.111
<b>Tổng</b>	<b>1.960.723.381</b>	<b>31.111.111</b>

**8 VAY NGẮN HẠN**

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 liên quan tới hai hợp đồng mua bán lại trái phiếu chính phủ với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam vào ngày 30 tháng 12 năm 2014. Khoản nợ này được ghi nhận bằng đồng Việt Nam và có thời hạn vay là 6 ngày kể từ ngày giải ngân. Giá trị hợp lý của khoản nợ tại ngày báo cáo gần bằng giá trị sổ sách do kỳ hạn ngắn. Lãi suất áp dụng trên khoản nợ này lần lượt là 7,1% và 7,2% một năm.



**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH**

**Mẫu B 06 – QM**

**9 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

	<b>31.12.2014</b> <b>VNĐ</b>	<b>31.12.2013</b> <b>VNĐ</b>
Thuế thu nhập cá nhân khấu trừ từ giao dịch mua lại Chứng chỉ Quỹ	2.105.741	25.842.458

**10 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>31.12.2014</b> <b>VNĐ</b>	<b>31.12.2013</b> <b>VNĐ</b>
Phải trả phí kiểm toán	127.639.602	80.996.300
Phải trả phí hợp đại hội	38.143.920	23.032.110
Phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ	19.999.997	20.000.000
Lãi tiền vay	1.487.629	-
Phí môi giới	4.151.640	-
	<u>191.422.788</u>	<u>124.028.410</u>

**11 PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ PHÁT HÀNH CHỨNG CHỈ QUỸ**

	<b>31.12.2014</b> <b>VNĐ</b>	<b>31.12.2013</b> <b>VNĐ</b>
Phải trả cho nhà đầu tư về phát hành Chứng chỉ Quỹ	50.000.000	-

Phải trả cho nhà đầu tư về phát hành Chứng chỉ Quỹ thể hiện số tiền phải thanh toán cho nhà đầu tư đã đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ hợp lệ và có thời hạn thanh toán là không quá bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

**12 PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ**

	<b>31.12.2014</b> <b>VNĐ</b>	<b>31.12.2013</b> <b>VNĐ</b>
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ Quỹ hợp lệ chưa đến hạn thanh toán	-	2.076.200

Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ Quỹ thể hiện số tiền phải thanh toán cho nhà đầu tư đã đăng ký bán Chứng chỉ Quỹ hợp lệ và có thời hạn thanh toán là không quá bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BÀO THỊNH VINAWEALTH**

**Mẫu B 06 – QM**

**13 PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ**

	<b>31.12.2014</b>	<b>31.12.2013</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Phải trả phí quản lý	82.024.710	42.794.846
Phải trả phí lưu ký	14.899.999	17.999.999
Phải trả phí giám sát	6.600.002	6.600.002
Phải trả phí quản trị	11.000.000	11.000.000
Phải trả phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	22.485.751	18.759.313
	<u>137.010.462</u>	<u>97.154.160</u>

**14 GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ**

	<b>Số dư tại ngày</b>	<b>Phát hành/ mua lại</b>	<b>Số dư tại ngày</b>
	<b>31.12.2013</b>	<b>VNĐ</b>	<b>31.12.2014</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
<b>Vốn góp phát hành</b>			
Số lượng	7.373.415,55	4.213.904,90	11.587.320,45
Giá trị ghi theo mệnh giá	73.734.155.500	42.139.049.000	115.873.204.500
Thặng dư vốn	450.611.362	5.987.747.214	6.438.358.576
	<u>74.184.766.862</u>	<u>48.126.796.214</u>	<u>122.311.563.076</u>
<b>Tổng giá trị phát hành Chứng chỉ Quỹ</b>			
	<u>74.184.766.862</u>	<u>48.126.796.214</u>	<u>122.311.563.076</u>
<b>Vốn góp mua lại</b>			
Số lượng	(2.533.804,71)	(1.297.631,32)	(3.831.436,03)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(25.338.047.100)	(12.976.313.500)	(38.314.360.600)
Thặng dư vốn góp mua lại của Nhà đầu tư	(504.415.546)	(1.647.705.588)	(2.152.121.134)
	<u>(25.842.462.646)</u>	<u>(14.624.019.088)</u>	<u>(40.466.481.734)</u>
<b>Tổng giá trị mua lại Chứng chỉ Quỹ</b>			
	<u>(25.842.462.646)</u>	<u>(14.624.019.088)</u>	<u>(40.466.481.734)</u>
<b>Giá trị vốn góp hiện hành</b>	<u>48.342.304.216</u>	<u>33.502.777.126</u>	<u>81.845.081.342</u>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<u>2.332.631.297</u>	<u>4.210.245.542</u>	<u>6.542.876.839</u>
<b>NAV hiện hành</b>	<u>50.674.935.513</u>		<u>88.387.958.181</u>
<b>Số lượng Chứng chỉ Quỹ hiện hành</b>	4.839.610,84		7.755.884,39
<b>NAV hiện hành/ 1 Chứng chỉ Quỹ</b>	10.471		11.396

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH

Mẫu B 06 – QM

15 LÃI LŨY KẾ

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2014 VNĐ	Giai đoạn từ 1.4.2013 đến 31.12.2013 VNĐ
Lãi thuần trong năm/giai đoạn	4.210.245.542	2.332.631.297
Trong đó: <i>Lãi đã thực hiện chưa phân phối (Lỗ)/lãi chưa thực hiện</i>	4.745.240.664 (534.995.122)	1.494.625.818 838.005.479
Lãi lũy kế cuối năm/giai đoạn	<u>4.210.245.542</u>	<u>2.332.631.297</u>

16 TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2014 VNĐ	Giai đoạn từ 1.4.2013 đến 31.12.2013 VNĐ
Tiền lãi đã nhận	3.160.848.938	1.304.400.177
Dự thu tiền lãi	1.960.723.381	31.111.111
	<u>5.121.572.319</u>	<u>1.335.511.288</u>

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH**

**Mẫu B 06 – QM**

**17 LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

Danh mục các khoản đầu tư đã bán trong năm 2014	Giá bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi bán chứng khoán trong năm VND	Lũy kế lãi bán tại ngày 31.12.2014 VND	Lãi bán cho giai đoạn từ 1.4.2013 đến 31.12.2013 VND
Cổ phiếu niêm yết	8.578.910.000	7.885.210.000	693.700.000	693.700.000	-
Trái phiếu niêm yết	35.884.689.726	34.872.988.357	1.011.701.369	2.209.701.369	1.198.000.000
	<b>44.463.599.726</b>	<b>42.758.198.357</b>	<b>1.705.401.369</b>	<b>2.903.401.369</b>	<b>1.198.000.000</b>

**18 CHÉNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

Giá mua VND	Giá thị trường tại ngày 31.12.2014 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31.12.2014 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31.12.2013 VND	Chênh lệch đánh giá trong năm 2014 VND
Cổ phiếu niêm yết	5.328.750.000	4.775.000.000	(553.750.000)	(553.750.000)
Trái phiếu niêm yết	76.687.382.862	77.544.143.219	856.760.357	18.754.878
	<b>82.016.132.862</b>	<b>82.319.143.219</b>	<b>303.010.357</b>	<b>(534.995.122)</b>

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH**

**Mẫu B 06 – QM**

**19 CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

	<b>Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2014 VNĐ</b>	<b>Giai đoạn từ 1.4.2013 đến 31.12.2013 VNĐ</b>
Mua bán chứng khoán niêm yết	76.261.143	20.407.900
Chi phí lãi	732.698.820	-
	<u>808.959.963</u>	<u>20.407.900</u>

Trong năm/giai đoạn, giao dịch mua bán chứng khoán của Quỹ được thực hiện thông qua Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt ("VCSC"), Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam ("VCBS"), Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt ("VDSC") và Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HSC"). Phí giao dịch bình quân trả cho các công ty này trong năm là 0,015%.

**20 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC**

	<b>Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2014 VNĐ</b>	<b>Giai đoạn từ 1.4.2013 đến 31.12.2013 VNĐ</b>
Thù lao Ban đại diện Quỹ (Thuyết minh số 23(b))	78.999.997	58.241.758
Phí ngân hàng	13.413.926	4.427.349
	<u>92.413.923</u>	<u>62.669.107</u>

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH

Mẫu B 06 – QM

21 THUYẾT MINH VỀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (“NAV”)

STT	Ngày định giá	NAV	Số lượng Chứng chỉ Quỹ (“CCQ”)	NAV/ 1 CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(Giảm)
		VND		VND/1 CCQ	NAV/1 CCQ VND/1 CCQ
1	01/01/2014	50.674.935.513	4.839.610,84	10.471	-
2	06/01/2014	50.711.685.887	4.839.610,84	10.478	7
3	13/01/2014	49.117.666.485	4.839.610,84	10.149	(329)
4	20/01/2014	50.782.914.921	4.839.110,84	10.494	345
5	27/01/2014	50.852.644.612	4.836.110,84	10.515	21
6	31/01/2014	50.876.971.868	4.836.110,84	10.520	5
7	03/02/2014	50.894.664.454	4.836.110,84	10.524	4
8	10/02/2014	50.887.945.916	4.836.110,84	10.522	(2)
9	17/02/2014	50.996.987.931	4.836.110,84	10.545	23
10	24/02/2014	51.349.691.239	4.836.110,84	10.618	73
11	28/02/2014	51.331.124.824	4.836.110,84	10.614	(4)
12	03/03/2014	51.348.950.476	4.836.110,84	10.618	4
13	10/03/2014	51.562.181.568	4.836.110,84	10.662	44
14	17/03/2014	51.661.030.808	4.835.910,84	10.683	21
15	24/03/2014	51.698.244.674	4.835.138,14	10.692	9
16	31/03/2014	51.806.237.603	4.835.138,14	10.715	23
17	07/04/2014	52.209.070.450	4.835.138,14	10.798	83
18	14/04/2014	52.127.069.083	4.836.424,94	10.778	(20)
19	21/04/2014	51.315.639.546	4.836.424,94	10.610	(168)
20	28/04/2014	51.881.961.328	4.836.424,94	10.727	117
21	30/04/2014	51.950.023.973	4.836.424,94	10.741	14
22	05/05/2014	50.567.054.351	4.836.424,94	10.455	(286)
23	12/05/2014	49.624.722.311	4.800.765,64	10.337	(118)
24	19/05/2014	51.403.425.217	4.809.598,95	10.688	351
25	26/05/2014	51.918.834.802	4.834.355,72	10.740	52
26	31/05/2014	52.087.188.329	4.832.409,72	10.779	39
27	02/06/2014	52.027.895.990	4.832.409,72	10.766	(13)
28	09/06/2014	50.953.281.181	4.734.849,29	10.761	(5)
29	16/06/2014	51.086.938.819	4.734.849,29	10.790	29
30	23/06/2014	51.293.280.248	4.734.749,29	10.833	43
31	30/06/2014	51.520.704.474	4.734.749,29	10.881	48
32	07/07/2014	51.598.261.137	4.734.749,29	10.898	17
33	14/07/2014	52.084.460.435	4.734.749,29	11.000	102
34	21/07/2014	52.391.284.928	4.734.749,29	11.065	65
35	28/07/2014	52.334.848.630	4.734.749,29	11.053	(12)
36	31/07/2014	52.736.237.438	4.734.649,29	11.139	86
37	04/08/2014	52.940.731.634	4.734.649,29	11.182	43
38	11/08/2014	52.976.798.691	4.733.694,00	11.191	9
39	18/08/2014	53.490.854.175	4.734.935,62	11.297	106
40	25/08/2014	54.160.520.696	4.735.989,88	11.436	139
41	31/08/2014	95.983.728.502	8.390.440,23	11.440	4
42	01/09/2014	95.986.277.351	8.390.440,23	11.440	-
43	08/09/2014	96.285.980.285	8.390.440,23	11.476	36
44	15/09/2014	97.804.615.969	8.398.988,71	11.645	169
45	22/09/2014	98.270.140.089	8.397.988,71	11.702	57
46	29/09/2014	98.617.539.935	8.397.988,71	11.743	41
47	30/09/2014	98.442.250.801	8.398.411,29	11.722	(21)
48	06/10/2014	99.826.323.188	8.398.411,29	11.886	164
49	13/10/2014	99.624.451.024	8.400.935,26	11.859	(27)
50	20/10/2014	99.387.273.540	8.402.191,72	11.829	(30)
51	27/10/2014	99.406.789.061	8.409.058,88	11.821	(8)
52	31/10/2014	99.838.557.287	8.423.332,20	11.853	32
53	03/11/2014	99.964.298.423	8.423.332,20	11.868	15
54	10/11/2014	99.518.308.793	8.423.132,20	11.815	(53)
55	17/11/2014	99.094.605.177	8.423.132,20	11.765	(50)
56	24/11/2014	99.551.853.612	8.461.281,24	11.766	1
57	30/11/2014	98.162.288.817	8.468.529,00	11.591	(175)
58	01/12/2014	98.027.792.686	8.468.529,00	11.576	(15)
59	08/12/2014	96.369.487.897	8.469.648,76	11.378	(198)
60	15/12/2014	97.725.596.635	8.481.434,32	11.522	144
61	22/12/2014	96.720.496.482	8.485.773,84	11.398	(124)
62	29/12/2014	97.506.201.715	8.575.460,54	11.370	(28)
63	31/12/2014	88.387.958.181	7.755.864,39	11.396	26
<b>NAV bình quân trong năm</b>		<b>68.472.060.033</b>			
<b>Biến động NAV trong năm</b>					
Mức cao nhất					351
Mức thấp nhất					-

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH**

**Mẫu B 06 – QM**

**22 SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH**

	<b>31.12.2014</b>	<b>31.12.2013</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành được Nhà đầu tư nắm giữ:		
+ không quá 1 năm	3.543.785,53	4.839.610,84
+ trên 1 năm	4.212.098,86	-
	<u>7.755.884,39</u>	<u>4.839.610,84</u>

**23 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

(a) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaWealth (“Công ty Quản lý Quỹ”)

	<b>Năm tài chính</b>	<b>Giai đoạn</b>
	<b>kết thúc ngày</b>	<b>từ 1.4.2013</b>
	<b>31.12.2014</b>	<b>đến 31.12.2013</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Phí quản lý Quỹ	<u>679.407.939</u>	<u>350.988.061</u>

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được nhận phí quản lý Quỹ là 1% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá trong năm dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá. Số phí trả cho Công ty Quản lý Quỹ là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá đã thực hiện trong kỳ báo cáo.

(b) Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) (“Ngân hàng Giám sát”)

	<b>Năm tài chính</b>	<b>Giai đoạn</b>
	<b>kết thúc ngày</b>	<b>từ 1.4.2013</b>
	<b>31.12.2014</b>	<b>đến 31.12.2013</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Phí dịch vụ lưu ký tài sản	186.190.021	162.338.666
Phí dịch vụ giám sát	79.200.000	59.400.002
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	132.000.000	99.000.000
Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	206.126.438	183.362.218
	<u>603.516.459</u>	<u>504.100.886</u>

Ngân hàng Giám sát đồng thời được ủy quyền từ Công ty Quản lý Quỹ để cung cấp dịch vụ Quản trị Quỹ và dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Theo điều lệ Quỹ, Quỹ có nghĩa vụ phải thanh toán phí lưu ký, giám sát tài sản, phí quản trị Quỹ và phí đại lý chuyển nhượng hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ tương ứng. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá.

**23 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

(b) Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ("Ngân hàng Giám sát") (tiếp theo)

Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính cho các kỳ định giá trong tháng và không nhỏ hơn mức phí tối thiểu, cụ thể như sau:

- Phí lưu ký, giám sát là 0,08% giá trị tài sản ròng/năm. Trong đó, phí lưu ký là 0,06% giá trị tài sản ròng/năm và phí giám sát là 0,02% giá trị tài sản ròng/năm.
- Phí giao dịch thanh toán bù trừ chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký là 150.000 đồng Việt Nam/một giao dịch.
- Phí lưu ký trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("TTLKCK") là phí do Ngân hàng Giám sát thu hàng tháng theo biểu phí của TTLKCK sau đó thanh toán lại cho TTLKCK.
- Phí dịch vụ quản trị Quỹ là 0,035% giá trị tài sản ròng/năm .
- Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm hai nhóm phí như sau:
  - i) Nhóm phí tính trên NAV hoặc giá trị giao dịch gồm:
    - Phí duy trì nhà đầu tư hàng năm là 0,05% giá trị tài sản ròng/năm.
    - Phí đăng ký mua mới, mua lại, chuyển đổi là 0,03% tính trên giá trị giao dịch mua mới, mua lại, chuyển đổi.
  - ii) Nhóm phí tính trên số lượng thực tế phát sinh gồm:
    - Phí thiết lập dữ liệu nhà đầu tư gồm tạo dữ liệu nhà đầu tư là 15.000 đồng Việt Nam mỗi nhà đầu tư và tạo dữ liệu đại lý phân phối là 1.000.000 đồng Việt Nam mỗi đại lý
    - Các chi phí khác như phí gửi thư số lượng lớn, chi phí trả cổ tức, chi phí tính toán và chi trả phí hoa hồng và phí thưởng đại lý...

Tổng mức phí tối thiểu cho các dịch vụ lưu ký, giám sát, dịch vụ quản trị Quỹ và dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 45.000.000 đồng Việt Nam một tháng.

Thu nhập lãi tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát trong năm 2014 là 24.181.080 đồng Việt Nam (2013: 194.953.428 đồng Việt Nam). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư tiền gửi của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát là 13.264.731.055 đồng Việt Nam (2013: 81.720.151 đồng Việt Nam).

(c) Ban Đại diện Quỹ

Trong năm, thù lao trả cho Ban Đại Diện Quỹ là 78.999.997 đồng Việt Nam (2013: 58.241.758 đồng Việt Nam). Ngoài tiền thù lao theo quy định tại điều lệ Quỹ, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp VNĐ trong đó thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích trọng yếu. Thù lao của thành viên Ban Đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo thu nhập.

(d) Số lượng Chứng chỉ Quỹ mà các bên liên quan nắm giữ:

**Bên liên quan**

**Tỷ lệ nắm giữ**

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaWealth**

Bà Nguyễn Thị Thái Thuận

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

0,23%



**24 MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ**

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2014 VNĐ	Giai đoạn từ 1.4.2013 đến 31.12.2013 VNĐ
Tỷ lệ chi phí hoạt động	2,23%	2,97%
Tốc độ vòng quay danh mục	95%	2,04%

Các chỉ tiêu so sánh đã được quy đổi cho kết quả 12 tháng dựa trên kết quả hoạt động thực tế của Quỹ trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**25 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ GIÁ TRỊ HỢP LÝ**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh, trong đó bao gồm các chính sách quản lý rủi ro tài chính và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

Quỹ có nguy cơ gặp các rủi ro từ các công cụ tài chính như sau:

Rủi ro tín dụng  
Rủi ro thanh khoản  
Rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp những thông tin về những loại rủi ro trên mà Quỹ có thể gặp phải, đồng thời miêu tả mục tiêu, chính sách và quy trình mà Quỹ đã áp dụng để đo lường và kiểm soát rủi ro.

Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm chứng khoán niêm yết, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, tiền gửi ngân hàng. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ được có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng mục tiêu đầu tư của Quỹ. Ngân hàng giám sát giám sát việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư theo cơ sở hàng tuần và hàng tháng. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

**(a) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quỹ phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

Tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Quỹ cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc vi phạm của các tổ chức tín dụng này.

Chứng khoán niêm yết của Quỹ chỉ được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có chỉ số tín dụng được qui định. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết được thanh toán hoặc chi trả vào lúc giao chứng khoán thông qua Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Do đó, rủi ro không trả nợ được xem là rất nhỏ.

Trái phiếu mà Quỹ đầu tư là trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được bảo lãnh bởi Chính phủ. Vì thế, Công ty Quản lý Quỹ tin rằng không có bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc không thực thi trách nhiệm của người phát hành trái phiếu.

**25 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ GIÁ TRỊ HỢP LÝ (tiếp theo)**

**(a) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)**

Các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư bao gồm phải thu lãi từ tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và trái phiếu. Rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu được đánh giá thấp do các khoản phải thu có thời hạn thanh toán ngắn. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa mà Quý có thể gặp phải bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

**(b) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quý sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác. Quý có rủi ro thanh khoản cao do phải đáp ứng yêu cầu mua lại Chứng chỉ Quý từ các nhà đầu tư.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quý là duy trì một danh mục tài sản có tính thanh khoản cao, bao gồm tiền và chứng khoán niêm yết, nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tất cả các khoản nợ phải trả của Quý có thời hạn thanh toán dưới 1 năm.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Quý không có các khoản nợ liên quan đến công cụ tài chính phái sinh.

**(c) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường như lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Quý hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Quý nắm giữ.

**(i) Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quý sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro này phát sinh khi lãi suất thị trường tăng thì những khoản đầu tư có thu nhập cố định của Quý như trái phiếu Chính phủ bị giảm giá trị, đặc biệt là những khoản đầu tư có thời gian đáo hạn dài.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nếu lãi suất thị trường tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì giá trị danh mục trái phiếu Chính phủ của Quý sẽ thấp hơn/cao hơn 2% tương ứng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1%).

**(ii) Rủi ro tiền tệ**

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quý bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về tỷ giá hối đoái. Quý không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quý là có gốc tiền tệ là tiền đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quý.

**25 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ GIÁ TRỊ HỢP LÝ (tiếp theo)**

**(c) Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

**(iii) Rủi ro giá thị trường**

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Quý đầu tư vào chứng khoán niêm yết mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Rủi ro thị trường do thay đổi thị giá cổ phiếu của Quý là rất nhỏ do danh mục cổ phiếu niêm yết chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng tài sản của Quý.

**(d) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Theo Thông tư 210, giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ phải trả có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Phương pháp xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính hiện chưa được đề cập trong Thông tư 210 cũng như trong các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Do đó, Quý áp dụng phương pháp định giá tài sản ròng theo Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở, Điều lệ Quý và sổ tay định giá đã được Ban đại diện Quý phê duyệt để xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính khác và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định bằng giá trị ghi sổ do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

**26 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo tình hình tài chính cần điều chỉnh hoặc trình bày trên báo cáo tài chính.

**27 PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được phê chuẩn bởi Công ty Quản lý Quỹ và được xác nhận bởi Ngân hàng Giám sát ngày 30 tháng 3 năm 2015.

Ngân hàng Giám sát  
Xác nhận bởi:

  
**Lê Thị Thanh Tâm**  
Giám đốc Dịch Vụ Quản lý Quỹ  
Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

Ngân hàng TNHH một thành viên  
HSBC (Việt Nam)

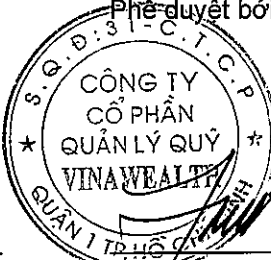
Công ty Quản lý Quỹ

Lập bởi:



Nguyễn Ngọc Linh Phương  
Kế toán trưởng

Phê duyệt bởi:

  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
QUẢN LÝ QUỸ  
VINAWEALTH

Nguyễn Thị Thái Thuận  
Chủ tịch HĐQT  
Ngày 30 tháng 3 năm 2015

